

Số: **1515** /QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày **12** tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Giao số lượng người làm việc, hợp đồng
theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ
cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Quảng Ninh năm 2019**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 quy định về thực hiện chế độ hợp đồng đối với một số loại công việc trong các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 132/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua biên chế khối đảng, đoàn thể; quyết định giao biên chế công chức, hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước; phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Quảng Ninh năm 2019;

Căn cứ văn bản số 6003/BNV-TCBC ngày 07/12/2018 của Bộ Nội vụ V/v thẩm định số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh Quảng Ninh năm 2019;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 26/TTr-SNV ngày 03/4/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu số lượng người làm việc, hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Quảng Ninh năm 2019 như sau:

1. Tổng số lượng người làm việc: **25.161**, bao gồm:
 - Số lượng người làm việc sự nghiệp giáo dục - đào tạo: 20.868
 - Số lượng người làm việc sự nghiệp y tế - xã hội: 3.095
 - Số lượng người làm việc sự nghiệp văn hóa - thông tin và thể thao: 422
 - Số lượng người làm việc sự nghiệp khác: 747
 - Số lượng người làm việc dự phòng: 29
2. Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 158, bao gồm:
 - Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP giao: 151

- Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP dự phòng: 07
(Chi tiết tại phụ lục kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh giao:

1. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, danh mục vị trí việc để xác định số lượng người làm việc và giao số lượng cụ thể cho từng đơn vị, tổ chức trực thuộc (đối với các đơn vị chưa được giao số lượng cụ thể), báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ tổng hợp). Thực hiện quản lý, sử dụng số lượng người làm việc, hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý theo đúng quy định hiện hành và chỉ đạo của tỉnh.

Tiếp tục thực hiện nghiêm các chỉ đạo của Trung ương Đảng, Chính phủ, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh về tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Rà soát, xây dựng kế hoạch tinh giản biên chế, đảm bảo giảm đúng tỷ lệ theo chỉ đạo của Trung ương và của Tỉnh trong giai đoạn 2019-2021.

2. Sở Nội vụ: Chịu trách nhiệm hướng dẫn các cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng, tinh giản biên chế theo đúng quy định.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo: Chịu trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố bố trí, sử dụng đội ngũ lãnh đạo, quản lý, giáo viên, nhân viên phù hợp với việc rà soát, sắp xếp, điều chỉnh lại hệ thống, quy mô trường, lớp học của địa phương; đảm bảo việc tinh giản biên chế phải gắn với việc nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo; thực hiện đúng quy định về chế độ làm việc, chính sách và nâng cao chất lượng đội ngũ lãnh đạo, quản lý, giáo viên, nhân viên.

4. Sở Tài chính: Đề xuất, bố trí kinh phí, hướng dẫn sử dụng để triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với quy định tại Quyết định này nay bãi bỏ.

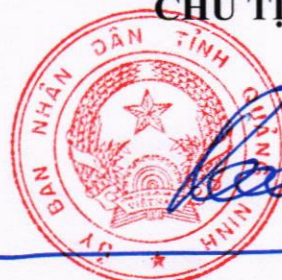
Điều 4. Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, HĐND và UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính, Giáo dục và Đào tạo và Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 4 (T/hiện);
- V0,1,2,3,4; HC2, DL2, TH6;
- Lưu: VT, TH5.

QĐ199

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Long